

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt “Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 17/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua “Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”;

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 08/TTr-LĐTBXH ngày 11/01/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (sau đây viết tắt là Quy hoạch), với những nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU QUY HOẠCH

1. Mục tiêu chung

1.1. Phát triển hệ thống mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh theo hướng đồng bộ, tập trung, tinh gọn, cơ cấu hợp lý cả về trình độ và ngành nghề đào tạo; tạo điều kiện thuận lợi cho người học; gắn kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp và thị trường lao động; đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực lao động kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, góp phần phục vụ quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

1.2. Chất lượng đào tạo một số ngành nghề tương đồng với các địa phương phát triển trong nước và các nước phát triển trong khu vực; phổ cập đào tạo nghề cho người lao động, hình thành đội ngũ lao động lành nghề, góp phần nâng cao

năng lực cạnh tranh, chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao thu nhập và đảm bảo an sinh xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Giai đoạn 2016 - 2020:

a) Mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cơ bản đáp ứng được nhu cầu nhân lực qua đào tạo của thị trường lao động cả về số lượng, chất lượng, cơ cấu nghề và trình độ đào tạo; tổng số cơ sở giáo dục nghề nghiệp là 24 đơn vị;

b) Đào tạo mới và đào tạo lại cho khoảng 100.000 người; trong đó đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp chiếm 35%, trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên chiếm 65%; góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 70% vào năm 2020.

2.2. Định hướng tới năm 2030:

a) Đẩy mạnh xã hội hoá, phát triển đồng bộ và tái cấu trúc mạnh mẽ mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tập trung vào các trường cao đẳng đào tạo đa cấp trình độ, đa ngành nghề; tổng số cơ sở giáo dục nghề nghiệp là 23 đơn vị (chưa kể các cơ sở tự thực được thành lập mới);

b) Phổ cập nghề cho người lao động; tăng tỷ lệ người học nghề trình độ cao đẳng, trung cấp lên khoảng 40%; chất lượng đào tạo một số nghề đạt trình độ các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới; hình thành độ ngũ lao động lành nghề, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA QUY HOẠCH

1. Quy mô tuyển sinh và cơ cấu trình độ đào tạo

1.1. Đến năm 2020: Tập trung tăng nhanh quy mô đào tạo; mở rộng ngành nghề đào tạo trên một số lĩnh vực và các cụm ngành chủ yếu thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế Hà Tĩnh trong giai đoạn tới như: sắt thép; sản phẩm từ thép; chế biến thực phẩm; công nghiệp và dịch vụ hỗ trợ; dệt may; xây dựng... Tổng quy mô tuyển sinh 25.000 người/năm. Trong đó: tuyển sinh trình độ cao đẳng 2.200 người, chiếm 8,8%; trung cấp 6.000 người, chiếm 24,0%; trình độ sơ cấp và đào tạo theo chương trình giáo dục nghề nghiệp khác 16.800 người, chiếm 67,2%.

1.2. Đến năm 2030: Tổng quy mô tuyển sinh 27.000 người/năm. Trong đó: tuyển sinh trình độ cao đẳng 3.000 người, chiếm 11,1%; trung cấp 7.000 người, chiếm 25,9%; trình độ sơ cấp và đào tạo theo chương trình giáo dục nghề nghiệp khác 17.000 người, chiếm 63,0%.

(Chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm)

2. Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp

2.1. Giai đoạn 2016 - 2020:

Tiếp tục duy trì, củng cố các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoạt động hiệu quả; nâng cấp, sáp nhập một số đơn vị để giảm đầu mối, tăng hiệu quả quản lý; giải thể các đơn vị hoạt động thiếu hiệu quả. Đến năm 2020, tổng số cơ sở giáo dục nghề nghiệp là 24 đơn vị, gồm: 05 Trường cao đẳng, 04 Trường trung cấp, 04 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, 09 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên,

01 phân hiệu của Trường cao đẳng và 01 Trường đại học có hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Phương án cụ thể như sau: Thành lập Trường cao đẳng trên cơ sở nâng cấp Trường Trung cấp nghề Hà Tĩnh; sáp nhập Trung tâm Dạy chữ, Dạy nghề Hội người mù vào Trung tâm Dạy nghề - Giới thiệu và Giải quyết việc làm cho người tàn tật Hà Tĩnh; sáp nhập Trung tâm Dạy nghề - Hướng nghiệp và Giáo dục thường xuyên thị xã Hồng Lĩnh vào Trường Trung cấp Kỹ nghệ; chấm dứt hoạt động đào tạo nghề nghiệp tại Trung tâm Dạy nghề - Hướng nghiệp và Giáo dục thường xuyên thành phố Hà Tĩnh và sáp nhập vào Trung tâm Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và Giáo dục thường xuyên tỉnh; giải thể Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Đức Thọ; đầu tư, phát triển Trường Cao đẳng Việt Đức, Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Tĩnh đạt các tiêu chí của trường chất lượng cao; có 03 cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập hoạt động theo cơ chế tự chủ.

2.2. Giai đoạn 2021 - 2030:

Tập trung phát triển các trường cao đẳng đào tạo đa cấp trình độ, đa ngành nghề; thu hút đầu tư thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có yếu tố nước ngoài; nâng cấp trung tâm giáo dục nghề nghiệp tại một số địa phương có khu kinh tế trọng điểm của tỉnh; tiếp tục sáp nhập một số trung tâm cấp huyện. Đến năm 2030, tổng số cơ sở giáo dục nghề nghiệp là 23 đơn vị, gồm: 06 Trường cao đẳng, 05 Trường trung cấp, 10 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, 01 phân hiệu của Trường cao đẳng và 01 Trường đại học có hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Phương án cụ thể như sau: Thu hút đầu tư thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp có yếu tố nước ngoài tại Khu kinh tế Vũng Áng; thành lập Trường trung cấp tại huyện Hương Sơn trên cơ sở nâng cấp Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Hương Sơn; sáp nhập Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Vũ Quang, chuyển thành cơ sở 2 của Trường trung cấp tại huyện Hương Sơn; sáp nhập Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Can Lộc vào Trường Trung cấp Lý Tự Trọng; 70% cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập hoạt động theo cơ chế tự chủ; phát triển Trường Cao đẳng nghề Việt Đức đạt chuẩn quốc tế; 50% số ngành nghề của Trường Cao đẳng Công nghệ đạt chuẩn quốc tế; đầu tư, phát triển Trường cao đẳng được nâng cấp từ Trường Trung cấp nghề Hà Tĩnh để đạt các tiêu chí trường chất lượng cao;

(Chi tiết tại Phụ lục 02 đính kèm).

3. Đội ngũ giáo viên, giảng viên

3.1. Đến năm 2020: Tổng số giảng viên, giáo viên cơ hữu là 827 người; trong đó trình độ sau đại học chiếm 22,8%, đại học và cao đẳng 74,5%, trình độ khác 2,7%. Có 80% nhà giáo đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề, nghiệp vụ sư phạm, tin học.

3.2. Đến năm 2030: Tổng số giảng viên, giáo viên cơ hữu là 933 người; trong đó trình độ sau đại học chiếm 27,5%, đại học và cao đẳng 71,5%, trình độ khác 1,0%. Phân đầu 100% nhà giáo đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề, nghiệp vụ sư phạm, tin học.

(Chi tiết tại Phụ lục 03 đính kèm).

4. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

3.1. Giai đoạn 2016 - 2020: Tổng diện tích đất quy hoạch khoảng 638.280 m². Tổng diện tích xây dựng 125.108 m². Trong đó: Diện tích phòng học lý thuyết và phòng, xưởng thực hành 111.876 m²; thư viện, phòng làm việc và nhà hiệu bộ: 13.232 m². 80% các nghề đào tạo theo chuẩn quốc tế và 50% các nghề đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp khác có đủ hạng mục, số lượng thiết bị theo quy mô và cấp trình độ đào tạo tương ứng theo quy định.

b) Giai đoạn từ 2021 - 2030: Tổng diện tích đất quy hoạch khoảng 758.700 m². Tổng diện tích xây dựng 151.606 m². Trong đó: Diện tích phòng học lý thuyết và phòng, xưởng thực hành 136.190 m²; thư viện, phòng làm việc và nhà hiệu bộ: 15.416 m². 100% các nghề đào tạo theo chuẩn quốc tế và 80% các nghề đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp khác có đủ hạng mục, số lượng thiết bị theo quy mô và cấp trình độ đào tạo tương ứng theo quy định.

(Chi tiết tại Phụ lục 04 đính kèm).

4. Kinh phí thực hiện

4.1. Tổng kinh phí thực hiện 649.574 triệu đồng. Trong đó: Xây dựng cơ sở vật chất 263.474 triệu đồng; mua sắm trang thiết bị, xây dựng chương trình, giáo trình 385.000 triệu đồng; bồi dưỡng giáo viên 1.100 triệu đồng.

4.2. Nguồn huy động vốn, bao gồm: Ngân sách trung ương 140.000 triệu đồng, ngân sách địa phương 90.000 triệu đồng, nguồn vốn tự huy động của các cơ sở đào tạo 91.100 triệu đồng, nguồn vốn vay và xã hội hoá 328.474 triệu đồng.

4.3. Phân kỳ đầu tư: Giai đoạn từ năm 2016 - 2020, kinh phí 287.582 triệu đồng; giai đoạn từ năm 2021 - 2030, kinh phí 361.992 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 05 a, b, c đính kèm)

III. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Đổi mới việc quản lý, tổ chức thực hiện:

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo và đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, doanh nghiệp và xã hội về đào tạo nghề nghiệp; tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước; xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện cơ chế tự chủ, giao quyền tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

2. Tăng cường, đảm bảo các điều kiện nâng cao chất lượng:

2.1. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý; thực hiện tốt các chính sách đối với nhà giáo; huy động các nhà khoa học, cán bộ kỹ thuật, nghệ nhân... tham gia giảng dạy trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2.2. Tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả các bộ chương trình chuyên giao từ nước ngoài; xây dựng và ban hành, chương trình, giáo trình đào tạo trên cơ sở tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia và yêu cầu của thị trường lao động; doanh nghiệp cùng tham gia xây dựng, phê duyệt chương trình tại các cơ sở đào tạo.

2.3. Đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất và thiết bị theo ngành nghề và trình độ đào tạo, đảm bảo có đủ thiết bị theo danh mục tối thiểu quy định; đối với các ngành, nghề trọng điểm các cấp độ, thực hiện đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo theo chuẩn đầu ra do cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương quy định.

3. Tăng cường quản lý chất lượng:

Quản lý quá trình đào tạo và chuẩn hóa các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp; thường xuyên thực hiện tự kiểm định và mời các trung tâm kiểm định cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện kiểm định tại các đơn vị.

4. Đẩy mạnh xã hội hóa; xây dựng cơ chế, chính sách huy động nguồn lực phát triển mạng lưới giáo dục nghề nghiệp:

4.1. Xây dựng các chính sách tạo điều kiện cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp; khuyến khích, huy động sự tham gia của doanh nghiệp trong đào tạo nghề nghiệp dưới các hình thức; khuyến khích doanh nghiệp đóng góp kinh phí đào tạo khi tiếp nhận lao động đã qua đào tạo.

4.2. Từng bước thực hiện tính đúng, tính đủ chi phí đào tạo theo lộ trình; thực hiện chuyển từ cơ chế cấp kinh phí theo dự toán cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập sang cơ chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo.

5. Tăng cường sự gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp:

5.1. Xây dựng hệ thống thông tin thị trường lao động để gắn kết đào tạo với sử dụng lao động; thành lập bộ phận quan hệ doanh nghiệp tại các cơ sở đào tạo để nắm bắt nhu cầu, giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên sau khi học nghề.

5.2. Huy động các chuyên gia giỏi tại doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình đào tạo; tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thực tập cho học sinh, sinh viên; tham gia đánh giá năng lực, kỹ năng nghề cũng như thái độ của học sinh, sinh viên.

6. Giải pháp về hợp tác quốc tế:

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài, liên kết đào tạo với nước ngoài trong giáo dục nghề nghiệp; tổ chức tham quan học hỏi các mô hình đào tạo tiên tiến trong và ngoài nước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan của tỉnh, căn cứ các mục tiêu, chỉ tiêu và định hướng phát triển của Quy hoạch này, tổ chức xây dựng các chương trình, đề án và dự án đầu tư phù hợp, đồng thời đề ra các giải pháp phát huy tối đa các nguồn lực phục vụ sự phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp của tỉnh; tham mưu các chính sách khuyến khích thực hiện cơ chế tự chủ của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, các chính sách khuyến khích xã hội hoá lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; thực hiện đổi mới tổ chức quản lý và cải cách hành chính, tạo môi trường thuận lợi khuyến khích thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài; chủ động khai thác các tiềm năng, nguồn lực để thực hiện tốt các mục

tiêu phát triển và định hướng Quy hoạch; theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình và chỉ đạo thực hiện Quy hoạch; tổ chức đánh giá và đề xuất điều chỉnh Quy hoạch cho phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo:

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo về sắp xếp, sáp nhập, chia tách các trường cao đẳng, trung cấp theo Quy hoạch; tham mưu các chính sách định hướng, phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THCS và THPT; tham mưu chính hỗ trợ đào tạo nhân lực có trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp cho miền núi và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; tham mưu việc điều động, chuyển chuyển, thực hiện các chính sách đối với đội ngũ giáo viên văn hoá dư thừa do việc sáp nhập, giải thể một số Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên cấp huyện.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản pháp quy có liên quan đến cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư thành lập mới các trường cao đẳng, trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp; phối hợp xây dựng kế hoạch đầu tư, phê duyệt các dự án đầu tư, thành lập, nâng cấp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo Quy hoạch của tỉnh đã được phê duyệt; thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các dự án đầu tư phát triển cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập theo quy định.

4. Sở Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tham mưu đề xuất, cân đối các nguồn tài chính chi cho công tác giáo dục nghề nghiệp, phân bổ nguồn một cách hợp lý, phân kỳ đầu tư có trọng điểm; kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí mua sắm thiết bị phục vụ công tác giáo dục nghề nghiệp; tham mưu bố trí nguồn kinh phí thường xuyên và kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh phí hàng năm.

5. Sở Nội vụ:

Xây dựng kế hoạch, chính sách đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên, giáo viên tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ngành và UBND cấp huyện trong việc kiện toàn, sáp nhập, giải thể, đổi tên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập theo đề án đã được phê duyệt; phối hợp với sở Giáo dục và Đào tạo, UBND cấp huyện trong việc điều động, chuyển chuyển, thực hiện các chính sách đối với đội ngũ giáo viên văn hoá dư thừa do việc sáp nhập, giải thể một số Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên cấp huyện.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương:

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn; phối hợp thực hiện việc gắn kết giữa doanh nghiệp và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhằm sử dụng có hiệu quả

lao động qua đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu phát triển nghề và làng nghề trên địa bàn tỉnh, góp phần tích cực xây dựng nông thôn mới.

7. Các sở, ngành khác có liên quan:

Theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao chủ động phối hợp tham mưu, đề xuất cụ thể hóa Quy hoạch, chú trọng tham mưu đảm bảo đủ nguồn lực, huy động các nguồn lực khác để triển khai thực hiện, đề xuất chế độ khuyến khích hỗ trợ đầu tư để phát triển giáo dục nghề nghiệp trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã:

Tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch trên địa bàn quản lý; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp hàng năm và 05 năm phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; huy động nguồn lực tại địa bàn để thực hiện kế hoạch phát triển xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp theo Quy hoạch của tỉnh; bố trí quỹ đất để xây dựng mới hoặc mở rộng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo Quy hoạch; chủ động phối hợp với các sở, ngành chức năng trong việc tham mưu sáp nhập, giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp trực thuộc; điều động, chuyển chuyên, thực hiện các chính sách theo quy định đối với đội ngũ giáo viên dư thừa do việc giải thể, sáp nhập cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

9. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

Định hướng phát triển ngành nghề, quy mô đào tạo của đơn vị phù hợp với Quy hoạch và xu thế phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; chủ động bố trí nguồn kinh phí và huy động nguồn vốn xã hội hóa nâng cao trình độ đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo, liên kết đào tạo với các cơ sở trong và ngoài nước trong việc đa dạng ngành nghề, đảm bảo chất lượng đào tạo; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Tổng cục Dạy nghề;
- Đ/c Bí thư Tỉnh ủy, đ/c PBT TT Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, V.X.1;
- Gửi:
 - + Bản giấy: TP không nhận được bản điện tử;
 - + Bản điện tử: Các thành phần khác.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Quốc Vinh

QUY HOẠCH QUY MÔ TUYỂN SINH
(Kèm theo Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 07/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

Đơn vị tính: người

TT	Ngành nghề đào tạo	Quy mô tuyển sinh đến năm 2020				Quy mô tuyển sinh đến năm 2030			
		Tổng	Trong đó			Tổng	Trong đó		
			Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp		Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp
I	Nhóm ngành Giáo dục, văn hoá, y tế	2.145	1.070	905	170	2.400	1.350	860	190
1	Thanh nhạc	80	20	60		80	20	60	
2	Hội họa	100	20	60	20	100	20	60	20
3	Quản lý văn hóa								
4	Sư phạm Âm nhạc, Mỹ thuật	100	100			100	100		
5	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống	20		20		20		20	
6	Biểu diễn nhạc cụ phương tây	150		150		150		150	
7	Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc	60		60		60		60	
8	Nghệ thuật biểu diễn dân ca	100		100		100		100	
9	Organ	80		60	20	90		60	30
10	Thiết kế đồ họa	60		60		60		60	
11	Điều dưỡng	450	300	50	100	500	350	50	100
12	Hộ sinh	50	50			50	50		



TT	Ngành nghề đào tạo	Quy mô tuyển sinh đến năm 2020				Quy mô tuyển sinh đến năm 2030			
		Tổng	Trong đó			Tổng	Trong đó		
			Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp		Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp
13	Y sĩ	100	70	30		100	100		
14	Dược sĩ	300	200	100		300	250	50	
15	Ghi ta, Piano	70	20	20	30	90	20	30	40
16	Điều dưỡng cộng đồng	0				50	50		
17	Quản lý thể dục thể thao	30	30			30	30		
18	Xét nghiệm	0				50	50		
19	Chẩn đoán hình ảnh	0				50	50		
20	Y học cổ truyền	105	70	35		100	70	30	
21	Dân số	100	70	30		100	70	30	
22	Sư phạm dạy nghề	70	70			70	70		
23	Văn thư - lưu trữ	120	50	70		150	50	100	
II	Nhóm nghề nông, lâm, ngư nghiệp	5.950	90	740	5.120	5.285	220	1.015	4.050
24	Trồng cây lương thực, thực phẩm	640		40	600	585	35	100	450
25	Thùỵ lợi tổng hợp	40		40		40		40	
26	Quản lý đất đai	40		40		70	30	40	
27	Chăn nuôi gia súc, gia cầm	1.800	30	70	1.700	1.155	35	120	1.000
28	Kỹ thuật máy nông nghiệp	340		40	300	275	30	45	200
29	Trồng cây ăn quả	390		40	350	350		50	300
30	Trồng chè	210		40	170	240		40	200

TT	Ngành nghề đào tạo	Quy mô tuyển sinh đến năm 2020				Quy mô tuyển sinh đến năm 2030			
		Tổng	Trong đó			Tổng	Trong đó		
			Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp		Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp
31	Thú y	280	30	50	200	250	50	50	150
32	Trồng và chăm sóc cây rừng	240		40	200	260		60	200
33	Bảo vệ thực vật	280	30	50	200	250	40	60	150
34	Kỹ thuật nhân giống cây	190		40	150	200		50	150
35	Kỹ thuật trồng, nhân giống nấm	290		40	250	300		50	250
36	Lâm nghiệp đô thị	140		40	100	140		40	100
37	Kỹ thuật rau, hoa công nghệ cao	280	0	80	200	290	0	90	200
38	Làm vườn - cây cảnh	100			100	130		30	100
39	Nuôi trồng thủy sản	450		50	400	500		100	400
40	Khai thác, đánh bắt hải sản	240		40	200	250		50	200
III	Nhóm nghề công nghiệp, xây dựng	7.935	760	3.325	3.850	8.690	1.110	3.720	3.860
41	Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí	180	30	60	90	205	45	70	90
42	Cán thép	220	100	120		220	100	120	
43	Cắt gọt kim loại	165	35	70	60	170	40	70	60
44	Chế tạo thiết bị cơ khí	105	35	70	0	130	40	90	
45	Cơ điện tử	95	35	60	0	130	40	90	
46	Công nghệ ô tô	420	70	200	150	440	90	200	150

TT	Ngành nghề đào tạo	Quy mô tuyển sinh đến năm 2020				Quy mô tuyển sinh đến năm 2030			
		Tổng	Trong đó			Tổng	Trong đó		
			Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp		Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp
47	Công nghệ thông tin	170	40	60	70	230	40	90	100
48	Điện	605	35	220	350	610	40	220	350
49	Điện tử công nghiệp	105	45	60		115	45	70	
50	Hàn	670	70	200	400	670	70	200	400
51	Kỹ thuật lắp đặt ống công nghệ	100	40	60		110	40	70	
52	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	350	40	120	190	350	40	120	190
53	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	200	30	100	70	205	35	100	70
54	Lái xe chuyên dụng	100	0	100	0	100	0	100	
55	Sửa chữa, bảo trì xe, máy và thiết bị cơ khí	200		100	100	285	35	100	150
56	Quản trị mạng máy tính	90	30	60	0	105	35	70	
57	Vận hành cần trục, cầu trục, máy nâng hàng	350		150	200	350		150	200
58	Vận hành máy thi công nền, xúc, đào	500		300	200	500		300	200
59	Máy công nghiệp	300		100	200	300		100	200
60	Mây tre đan	0				0			
61	Thủ công mỹ nghệ	0				0			
62	Kỹ thuật xây dựng, nề	780		180	600	760	30	180	550

TT	Ngành nghề đào tạo	Quy mô tuyển sinh đến năm 2020				Quy mô tuyển sinh đến năm 2030			
		Tổng	Trong đó			Tổng	Trong đó		
			Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp		Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp
63	Khai thác mỏ; Tuyển khoáng	170		70	100	205	35	70	100
64	Lắp ráp và thử nghiệm lò hơi, tua bin	40		40		70	30	40	
65	Luyện thép, gang	70		70		135	35	100	
66	Sửa chữa máy thi công xây dựng	60		60		105	35	70	
67	Sửa chữa cơ khí động lực	195	35	60	100	195	35	60	100
68	Tự động hóa công nghiệp	60		60		95	35	60	
69	Xếp dỡ cơ giới tổng hợp	210		60	150	260		60	200
70	Bê tông - Cốt pha - giàn giáo	400		100	300	450		150	300
71	Cốt thép - hàn	220		70	150	250		100	150
72	Cấp, thoát nước	220		70	150	220		70	150
73	Cơ điện nông thôn	290	30	80	180	270	30	90	150
74	Công nghệ nhiệt luyện, đúc kim loại	130	30	100		220	70	150	
75	Công nghệ cán, kéo kim loại	90	30	60		110	40	70	
76	Công nghệ dệt, sợi	75		35	40	120		120	

TT	Ngành nghề đào tạo	Quy mô tuyển sinh đến năm 2020				Quy mô tuyển sinh đến năm 2030			
		Tổng	Trong đó			Tổng	Trong đó		
			Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp		Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp
IV	Nhóm nghề dịch vụ, thương mại	8.970	280	1.030	7.660	10.625	320	1.405	8.900
77	Hướng dẫn du lịch	280	40	90	150	285	45	90	150
78	Kế toán doanh nghiệp	100	30	70		100	30	70	
79	Kỹ thuật chế biến món ăn, làm bánh	600	30	70	500	750	30	120	600
80	Lái xe ô tô hạng B1, B2, C	5.000			5.000	5.500			5.500
81	May và thiết kế thời trang	200	30	70	100	280	40	90	150
82	Nghiệp vụ buồng	290	30	70	190	330	40	90	200
83	Nghiệp vụ nhà hàng, lễ tân khách sạn	280	30	50	200	340	40	100	200
84	Quản trị khách sạn	80	30	50		100	30	70	
85	Quản trị lữ hành	60	30	30		75	30	45	
86	Sửa chữa mô tô, xe gắn máy	100			100	150			150
87	Thêu ren mỹ nghệ	0				0			
88	Tin học ứng dụng	140		40	100	140		40	100
89	Công tác xã hội	80	30	50		125	35	90	
90	Xoa bóp, bấm huyệt	0				0			

TT	Ngành nghề đào tạo	Quy mô tuyển sinh đến năm 2020			Quy mô tuyển sinh đến năm 2030				
		Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó			
			Cao đẳng	Trung cấp		Sơ cấp	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp
91	Dịch vụ chăm sóc gia đình	180		30	150	260		60	200
92	Chăm sóc sắc đẹp và thiết kế kiểu tóc	130		30	100	210		60	150
93	Chế biến và bảo quản thủy sản	430		30	400	470		70	400
94	Điều khiển phương tiện thủy nội địa	135		35	100	140		40	100
95	Kỹ thuật pha chế đồ uống	95		35	60	170		70	100
96	Nghiệp vụ bán hàng	290		90	200	390		90	300
97	Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn	160		60	100	220		70	150
98	Thương mại - Điện tử	210		60	150	370		70	300
99	Trang trí nội thất	130		70	60	220		70	150
Tổng cộng		25.000	2.200	6.000	16.800	27.000	3.000	7.000	17.000

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
(Kèm theo Quyết định số **433** QĐ-UBND ngày **07/10/2017** của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

TT	Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Quy hoạch		Cơ quan chủ quản	Địa điểm trụ sở	Công lập	Tư thực	Có vốn đầu tư nước ngoài	Doanh nghiệp nhà nước
		Giai đoạn 2016-2020	Giai đoạn 2021-2030						
I	Trường cao đẳng	05 trường (07 cơ sở đào tạo)	06 trường (08 cơ sở đào tạo)						
1	Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh	×	×	UBND Tỉnh Hà Tĩnh	Thành phố Hà Tĩnh	×			
2	Trường Cao đẳng VH-TT-DL Nguyễn Du	×	×	UBND Tỉnh Hà Tĩnh	Thành phố Hà Tĩnh	×			
3	Trường Cao đẳng Việt Đức	×	×	UBND Tỉnh Hà Tĩnh	Thành phố Hà Tĩnh	×			
4	Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Tĩnh	×	×	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	Thành phố Hà Tĩnh	×			
	Cơ sở 2 Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Tĩnh				Thị xã Kỳ Anh				
5	Trường Cao đẳng được nâng cấp từ Trung cấp Hà Tĩnh	×	×	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	Thành phố Hà Tĩnh	×			
	Cơ sở 2 Trường Cao đẳng được nâng cấp từ Trung cấp Hà Tĩnh				Xã Thạch Ngọc, Thạch Hà				
6	Trường Cao đẳng có yếu tố nước ngoài tại KKT Vũng Áng		Thành lập mới					×	
II	Trường trung cấp	4 trường	05 trường (06 cơ sở đào tạo)						
7	Trường Trung cấp Kỹ nghệ Hà Tĩnh	×	×	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	Thị xã Hồng Lĩnh	×			
8	Trường Trung cấp Lý Tự Trọng	×	×	Tỉnh đoàn Hà Tĩnh	Thị trấn Nghèn, Can Lộc	×			

TT	Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Quy hoạch		Cơ quan chủ quản	Địa điểm trụ sở	Công lập	Tư thực	Có vốn đầu tư nước ngoài	Doanh nghiệp nhà nước
		Giai đoạn 2016-2020	Giai đoạn 2021-2030						
9	Trường Trung cấp Mitracco	×	×	Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh	Thị trấn Thạch Hà				×
10	Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Hà Tĩnh	×	×	(Trường tư thực)	Thành phố Hà Tĩnh		×		
11	Trường Trung cấp (Hương Sơn)		×	UBND huyện Hương Sơn		×			
	Cơ sở 2 Trung cấp (Hương Sơn)		Sáp nhập từ Trung tâm GDNN - GDTX Vũ Quang						
III	Trung tâm GDNN; Trung tâm GDNN-GDTX	13 trung tâm	10 trung tâm						
11	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Hương Sơn	×	Nâng cấp thành Trường trung cấp	UBND huyện Hương Sơn	Thị trấn Phố Châu	×			
12	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Vũ Quang	×	Sáp nhập, thành cơ sở 2 Trường Trung cấp (Hương Sơn)	UBND huyện Vũ Quang	Thị trấn Vũ Quang	×			
13	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Can Lộc	×	Sáp nhập vào Trường Trung cấp Lý Tự Trọng	UBND huyện Can Lộc	Thị trấn Nghèn, Can Lộc	×			
14	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Kỳ Anh	×	×	UBND thị xã Kỳ Anh	Thị xã Kỳ Anh	×			
15	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Cẩm Xuyên	×	×	UBND huyện Cẩm Xuyên	Xã Cẩm Quan, Cẩm Xuyên	×			
16	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Hương Khê	×	×	UBND huyện Hương Khê	Xã Hương Bình, Hương Khê	×			

TT	Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Quy hoạch		Cơ quan chủ quản	Địa điểm trụ sở	Công lập	Tư thực	Có vốn đầu tư nước ngoài	Doanh nghiệp nhà nước
		Giai đoạn 2016-2020	Giai đoạn 2021-2030						
17	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Lộc Hà	×	×	UBND huyện Lộc Hà	Xã Thạch Bằng, Lộc Hà	×			
18	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Nghi Xuân	×	×	UBND huyện Nghi Xuân	Thị trấn Nghi Xuân	×			
19	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Thạch Hà	×	×	UBND huyện Thạch Hà	Thị trấn Thạch Hà	×			
20	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Hỗ trợ nông dân Hà Tĩnh	×	×	Hội nông dân Hà Tĩnh	Thành phố Hà Tĩnh	×			
21	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp cho người tàn tật Hà Tĩnh	×	×	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	Thành phố Hà Tĩnh	×			
22	Trung tâm Đào tạo lái xe cơ giới đường bộ Hà Tĩnh	×	×	Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Hà An	Xã Thạch Vĩnh, Thạch Hà		×		
23	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp tư thực Kỳ Anh	×	×	(Trung tâm tư thực)	Thị xã Kỳ Anh		×		
IV	Các cơ sở khác có hoạt động giáo dục nghề nghiệp	02 đơn vị	02 đơn vị						
24	Trường Đại học Hà Tĩnh	×	×	UBND Tỉnh Hà Tĩnh	Huyện Cẩm Xuyên	×			
25	Phân hiệu trường Cao đẳng Cơ điện - Luyện kim Thái nguyên	×	×	Bộ Công thương	Thị xã Hồng Lĩnh	×			
Tổng số đơn vị hoạt động GDNN		24 đơn vị (26 cơ sở đào tạo)	23 đơn vị (26 cơ sở đào tạo)						

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



SỐ LIỆU QUY HOẠCH VỀ GIÁO VIÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 433 /QĐ-UBND ngày 07/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

Năm quy hoạch	Số liệu quy hoạch	Trình độ					
		Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp, công nhân kỹ thuật	Tổng
Quy hoạch năm 2020	Số lượng (người)	3	186	589	27	22	827
	Tỷ lệ	0,3%	22,5%	71,2%	3,3%	2,7%	100%
Quy hoạch năm 2030	Số lượng (người)	5	252	649	18	9	933
	Tỷ lệ	0,5%	27,0%	69,6%	1,9%	1,0%	100%

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



SỐ LIỆU QUY HOẠCH VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT
(Kèm theo Quyết định số 433 /QB-UBND ngày 07/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

TT	Cấp trình độ đào tạo	Quy mô đào tạo (học viên)			Cơ sở vật chất (m ²)											
		Hiện trạng năm 2015	Quy hoạch		Năm 2020						Năm 2030					
			Năm 2020	Năm 2030	Diện tích đất	Diện tích xây dựng	Trong đó				Diện tích đất	Diện tích xây dựng	Trong đó			
							Nhà học lý thuyết	Xưởng thực hành	Phòng làm việc	Thư viện			Nhà học lý thuyết	Xưởng thực hành	Phòng làm việc	Thư viện
1	Cao đẳng	5.190	6.600	9.000	178.200	40.590	9.900	26.400	2.310	1.980	243.000	55.350	13.500	36.000	3.150	2.700
2	Trung cấp	9.390	12.000	14.000	324.000	72.678	18.000	48.000	4.200	2.478	378.000	84.791	21.000	56.000	4.900	2.891
3	Sơ cấp	5.255	5.040	5.100	136.080	11.840	3.276	6.300	1.764	500	137.700	11.465	3.315	6.375	1.275	500
Tổng cộng		19.835	23.640	28.100	638.280	125.108	31.176	80.700	8.274	4.958	758.700	151.606	37.815	98.375	9.325	6.091

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KHAI TOÁN KINH PHÍ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số 433 /QĐ-UBND ngày 07/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

TT	Hạng mục đầu tư	Khối lượng	Đơn vị tính	Suất đầu tư (Triệu đồng/đơn vị)	Thành tiền (Triệu đồng)
I	Giai đoạn 2016-2020				287.582
1	Xây dựng cơ bản				152.182
1.1	Xây dựng nhà học lý thuyết, thực hành và các công trình phục vụ dạy học khác.	36.234	m ²	4,0	144.936
1.2	Các hạng mục phụ trợ (sân, đường)	5% các chi phí chính			7.246
2	Đầu tư thiết bị; xây dựng chương trình, giáo trình	Tạm tính			135.000
3	Bồi dưỡng giáo viên	400	người	1,0	400
II	Giai đoạn 2021-2030				361.992
1	Xây dựng cơ bản				111.292
1.1	Xây dựng nhà học lý thuyết, thực hành và các công trình phục vụ dạy học khác.	26.498	m ²	4,0	105.992
1.2	Các hạng mục phụ trợ (sân, đường)	5% các chi phí chính			5.300
2	Đầu tư thiết bị; xây dựng chương trình, giáo trình	Tạm tính			250.000
3	Bồi dưỡng giáo viên	700	người	1,0	700
Tổng cộng					649.574